

PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG CẢI THIỆN SINH KẾ CỦA CỘNG ĐỒNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HUYỆN NAM ĐÔNG – TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Mai Thanh Sơn^{1*}, Ubukata Fumikazu¹, Mai Thị Khánh Vân²,

Nguyễn Thị Thanh Hương³

¹Trường Đại học Okayama, Nhật Bản; ²Trường Du lịch - Đại học Huế;

³Trường Đại học Quảng Bình.

*Tác giả liên hệ: thanhson97qb@gmail.com

Nhận bài: 01/02/2023 Hoàn thành phản biện: 15/03/2023 Chấp nhận bài: 17/03/2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá tổng quan thực trạng phát triển và các hạn chế của hoạt động du lịch nông nghiệp (DLNN) tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình điều tra được thực hiện dựa trên số liệu phỏng vấn 30 hộ tham gia DLNN. Kết quả cho thấy, thu nhập từ DLNN đóng góp khoảng 9,4% tổng thu nhập của các hộ dân. Dịch vụ du lịch bao gồm bán lẻ nông sản và cung cấp trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, nhưng còn thiếu các cơ sở lưu trú. Khi đánh giá vai trò các bên liên quan, 83,4% hộ dân cho rằng sự liên kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các hộ làm DLNN là quan trọng nhất cho thành công của hoạt động sinh kế này. Tuy nhiên, DLNN còn hoạt động hạn chế do nguyên nhân chính là thiếu hụt chính sách hỗ trợ từ chính quyền. Để đảm bảo cho DLNN phát triển bền vững, chính quyền địa phương nên có thêm cơ chế khuyến khích hoạt động cũng như xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan.

Từ khóa: Du lịch nông nghiệp, Du lịch nông thôn, Cải thiện sinh kế, Cộng đồng, Nam Đông

DEVELOPING AGRITOURISM TOWARD IMPROVING COMMUNITY LIVELIHOODS: A CASE STUDY IN THE NAM DONG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Mai Thanh Son^{1*}, Ubukata Fumikazu¹, Mai Thi Khanh Van²,

Nguyen Thi Thanh Huong³

¹Okayama University, Japan; ²School of Tourism - Hue University;

³Quang Binh University.

ABSTRACT

This study provided an overview of the development status and limitations of agritourism activities in Nam Dong district, Thua Thien Hue province. The survey process was based on interview data from 30 households participating in agritourism. The results showed that the income from agritourism contributed about 9.4% of the total household income. Tourism services have included retailing agri-products and providing farming experiences, but accommodation facilities have still been lacking. When assessing the role of stakeholders, 83.4% of households believed that the linkage and mutual support between agritourism households were the most important factor for the success of this livelihood activity. However, the development of agritourism was still limited due to the lack of supportive policies from the government. In order to ensure the sustainable development of agritourism, local authorities should have more mechanisms to encourage and enhance close cooperation relationships between stakeholders.

Keywords: Agritourism, Rural tourism, Livelihood improvement, Community, Nam Dong

1. MỞ ĐẦU

Nông nghiệp là ngành sản xuất nắm giữ vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, khi phần lớn người dân sống ở nông thôn (Seaman và cs., 2014). Tuy nhiên, với sự biến đổi bất thường của khí hậu, thời tiết như hiện nay, nông nghiệp truyền thống khó đảm bảo khả năng trang trải cho cuộc sống của người nông dân, vậy nên cần có sự đa dạng hóa thu nhập và tạo ra các sinh kế mới cho trang trại (Asante và cs., 2017). Du lịch nông nghiệp, nông thôn được xem là một hoạt động sản xuất, kinh doanh mới nhằm góp phần khắc phục những vấn đề trên. Trong đó, du lịch nông nghiệp là thuật ngữ để mô tả một loại hình du lịch cung cấp các dịch vụ giải trí, thư giãn và giáo dục cho du khách dựa trên các hoạt động sản xuất nông nghiệp (Arroyo và cs., 2013). Người nông dân có thể nâng cao thu nhập từ việc tận dụng được các nguồn lực sẵn có của trang trại, giải quyết đầu ra của nông sản, hạn chế sự ảnh hưởng từ những biến động của thị trường (Schilling và cs., 2012).

Du lịch nông thôn có ba loại hình chính là du lịch cộng đồng (DLCĐ), du lịch nông nghiệp (DLNN) và du lịch sinh thái (DLST) (Alberta, 2010). Tiêu biểu cho hình thức du lịch nông nghiệp có thể kể đến các hoạt động du lịch nhà vườn, tham quan đồi chè ở Thái Nguyên, trang trại cà phê ở Đắk Lắk, hay cánh đồng sen ở Đồng Tháp, thưởng thức những vườn trái cây ở miền Tây sông nước. Việc phát triển du lịch dựa trên nông nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm, nâng cao giá trị nông sản, cải thiện đời sống của người nông dân, thay đổi bộ mặt nông thôn, cũng như tiếp tục bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa và đảm bảo an sinh xã hội (Lan và cs., 2020). Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tuy nhiên, các

thông tin liên quan đến du lịch nông nghiệp, đặc biệt ở khu vực miền núi vẫn còn khá hạn chế, chưa phổ cập đến chính quyền và người dân địa phương. Đa số các hộ dân làm du lịch nông nghiệp hiện nay vẫn còn mang tính tự phát và nhỏ lẻ, chưa chú ý đến việc liên kết hoạt động hay phát triển thương hiệu, sản phẩm, cũng như thiếu kỹ năng quản lý, phục vụ khách du lịch (Nguyen và cs., 2018).

Huyện Nam Đông là huyện miền núi phía Tây Nam tỉnh Thừa Thiên Huế. Để thực hành DLNN, Chính quyền huyện cũng đã tổ chức khảo sát các vườn nông sản để hỗ trợ đa dạng hóa nông sản và triển khai các dịch vụ thu phí tham quan, áp giá sản phẩm tại vườn, trải nghiệm trồng trọt, thu hoạch nông sản. Tuy nhiên, báo cáo của phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông (2021a) cho thấy các chính sách đầu tư phát triển vẫn mang tính bị động, phụ thuộc vào các cơ chế hỗ trợ của tỉnh, sự phối kết hợp giữa các ngành trong thực hiện kế hoạch phát triển văn hóa - du lịch còn nhiều hạn chế.

Bảng nghiên cứu trường hợp ở huyện Nam Đông, bài báo (1) xem xét sự phát triển hoạt động DLNN trong các hộ dân; (2) đánh giá mối quan hệ tương tác giữa các bên liên quan; (3) xác định những hạn chế và đề xuất biện pháp phát triển du lịch nông nghiệp, cải thiện sinh kế địa phương.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn điểm nghiên cứu và hộ khảo sát

Các xã Hương Phú, Hương Lộc, Thượng Lộ, Hương Xuân thuộc huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được lựa chọn làm điểm nghiên cứu. Tại đây, đời sống của người dân chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và du lịch. Trên địa bàn này đã có sự tồn tại và phát triển của DLCĐ tại thôn Dồi (Thượng Lộ), DLST tại Thác Mơ, Thác

Trượt, Thác Phương (Hương Phú), Đập Trần (Hương Xuân). Bên cạnh hai hình thức này, khách du lịch còn muốn trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Từ nhu cầu mới đó, hoạt động DLNN đã bước đầu được người dân địa phương phát triển.

Do DLNN ở huyện Nam Đông vẫn còn là một hoạt động mới, chưa được đánh giá và có thống kê cụ thể, do đó phương pháp Snowball được áp dụng để xác định và tiếp cận các hộ làm DLNN. Bắt đầu từ phỏng vấn các cán bộ của huyện, xã để nắm bắt được tình hình chung của hoạt động nông nghiệp, du lịch, và một số hộ dân làm DLNN trên địa bàn. Từ những đầu mối này, thông qua mạng lưới hoạt động và các mối quan hệ của họ, nhóm nghiên cứu tiếp cận với các hộ dân làm DLNN khác. Quá trình này được thực hiện cho đến khi không còn mẫu mới được giới thiệu trong địa bàn 4 xã. Tổng số mẫu thu được là 30 mẫu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu trường hợp (case study) được thực hiện bằng phương pháp định tính. Thông qua quá trình thu thập và phân tích dữ liệu, chủ yếu dưới dạng “phi số”, các đánh giá chuyên sâu được đưa ra. Với các phương pháp thu thập và xử lý số liệu dưới đây, các mục tiêu nghiên cứu về hoạt động DLNN tại Nam Đông đã nêu ra ở phần Mở đầu sẽ được làm rõ ở phần Kết quả và thảo luận trong bài báo này.

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

+ *Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp*

- Số liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu đã được công bố, những bài báo, báo cáo, tài liệu của các hội thảo, thu thập thông tin từ các website chính thống, các báo cáo về tình hình kinh tế - văn hóa xã hội của xã, huyện. Các số liệu này sẽ cung cấp các lý thuyết và khái niệm liên

quan đến nghiên cứu, đồng thời, xây dựng bức tranh tổng quát về tình hình phát triển DLNN tại Việt Nam.

+ *Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp*

- Phỏng vấn người am hiểu: Phỏng vấn trực tiếp 06 cán bộ Phòng Nông nghiệp, Phòng Văn hóa - Thông tin của xã, huyện về hiệu quả, các mối liên hệ và các định hướng phát triển DLNN trong tương lai.

- Phỏng vấn hộ: Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn 30 nông hộ có các hoạt động làm DLNN trên địa bàn các xã Hương Phú, Hương Lộc, Thượng Lộ, Hương Xuân của huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi phân chia nhóm mẫu điều tra, nghiên cứu sử dụng lý thuyết khuếch tán đổi mới (Diffusion of Innovations Theory - DOI) của sRogers (1962) để nhận diện các nhóm hộ làm DLNN. Dựa trên số năm kinh nghiệm và lý do áp dụng mà phân chia thành nhóm hộ tiên phong (TP), hộ thích nghi nhanh (TNN), hộ chấp nhận/áp dụng sớm (ADS), hộ chấp nhận/áp dụng muộn (ADM). Các thông tin thu thập từ hộ thông qua phiếu phỏng vấn bao gồm đặc điểm hộ, tình hình phát triển DLNN, đánh giá hiệu quả DLNN, các bên liên quan và mối liên hệ với các bên liên quan của hộ làm DLNN.

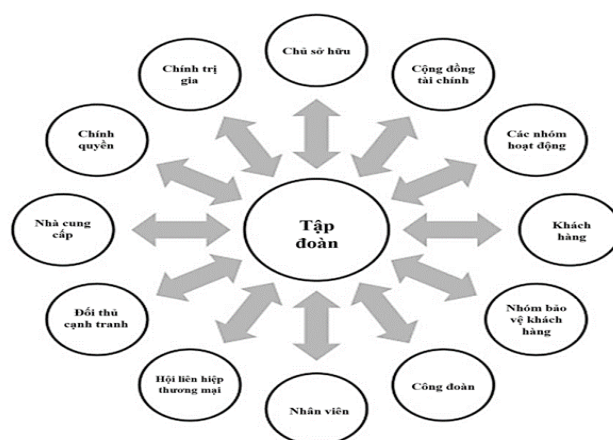
- Phỏng vấn sâu: Dựa vào chất lượng thông tin phản hồi từ phiếu phỏng vấn hộ, 04 hộ gia đình đại diện cho 04 nhóm hộ được lựa chọn để tìm hiểu sâu hơn, nhằm làm rõ các vấn đề còn tồn tại, các khó khăn của nông dân địa phương khi làm DLNN và hướng phát triển trong tương lai.

2.2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu thập từ nhiều nguồn khác nhau được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm EXCEL 2021 cùng phương pháp phân tích chuỗi thời gian để mô tả những đặc

điểm của hộ, các hoạt động sinh kế, khoản thu nhập khi làm DLNN. Khung phân tích các bên liên quan (The Stakeholder Framework) theo nghiên cứu của Freeman (1984) được áp dụng để mô tả hoạt động và

các mối quan hệ, tương tác giữa những thành phần chính trong hoạt động DLNN ở huyện Nam Đông.



Hình 1. Khung phân tích các bên liên quan

(Nguồn: Freeman, 1984)

Bảng 1. Các yếu tố đánh giá hiệu quả hoạt động Du lịch nông nghiệp

01	Kích thích phát triển các hoạt động khác của địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế
02	Tạo nguồn thu nhập thay thế cho nông dân/Đa dạng hóa hoạt động sản xuất
03	Kênh phân phối nông sản/Phát triển thị trường du lịch mới
04	Đầu tư cơ sở hạ tầng
05	Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan/Đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường
06	Sử dụng có trách nhiệm nguyên liệu thô và tài nguyên thiên nhiên/Giảm thiểu chất thải
07	Khôi phục cội nguồn, văn hóa dân gian và truyền thống
08	Cung cấp cơ hội việc làm cho các thành viên trong gia đình
09	Giáo dục cho du khách về nông nghiệp và cuộc sống ở nông thôn
10	Bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự giải phóng phụ nữ

(Nguồn: Ammirato và cs.(2020))

Các yếu tố đánh giá hiệu quả hoạt động DLNN huyện Nam Đông được xây dựng dựa trên việc tham khảo 10 yếu tố đánh giá hiệu quả hoạt động DLNN trong Bảng 1, theo nghiên cứu của Ammirato và cs. (2020). Thang đo Likert 5 cấp độ được người trả lời phỏng vấn sử dụng để nêu ra ý kiến của họ, cụ thể là: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Bình thường; (4) Đồng ý; và (5) Rất đồng ý.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Ngành du lịch của huyện Nam Đông

Huyện Nam Đông là địa phương có thiên nhiên nguyên sơ, kỳ vĩ như hệ thống các thác nước, hang động, thảm thực vật, rừng nguyên sinh, lòng hồ chứa nước Tả Trạch, Thủy điện Thượng Lộ - Thượng Nhật (Bảng 2), các vườn cây ăn quả và đặc sản nổi tiếng (cam, mít, chuối, dứa, ổi, măng, mật ong...). Tất cả những đặc điểm trên tạo điều kiện thuận lợi cho Nam Đông phát triển du lịch nói chung và DLNN nói riêng.

Bảng 2. Các điểm du lịch của huyện Nam Đông

Điểm du lịch	Vị trí địa lý	Đặc điểm và hiện trạng
1. Thác Mơ	Xã Hương Phú	Dễ tiếp cận, có điểm du lịch sinh thái và khu nghỉ dưỡng
2. Thác Trượt	Xã Hương Phú	Các hoạt động giải trí đa dạng có thể khai thác
3. Thác Phướng	Xã Hương Phú	Phong cảnh tự nhiên phong phú, đang được kêu gọi đầu tư
4. Thác Kazan	Xã Thượng Lộ	Có nhiều cơ sở du lịch lân cận, đang được kêu gọi đầu tư
5. Thôn Dổi	Xã Thượng Lộ	Trải nghiệm văn hóa, ẩm thực của đồng bào Cơ Tu
6. Đập Tràn	Xã Hương Xuân	Dễ tiếp cận, phong cảnh đẹp.

Nguồn: Ủy ban Nhân dân huyện Nam Đông (2021)

Theo báo cáo của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông (2021b), huyện đã xác định phát triển du lịch theo hướng bền vững, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch văn hóa. Tính đến cuối năm 2020, toàn huyện có 05 cơ sở lưu trú du lịch với 49 phòng (riêng xã Hương Phú có 03 cơ sở lưu trú). Các tour tham quan phổ biến bao gồm: Tham quan Nhà Văn hóa dân tộc – Du lịch cộng đồng thôn Dổi – Nghỉ lại ở khu du lịch Thác Mơ – Tham quan các vườn nông sản – Mua sắm tại chợ Khe Tre – Di chuyển đến địa điểm khác. Việc thiếu hụt các cơ sở lưu trú, vui chơi giải trí, chất lượng phục vụ còn hạn chế khiến cho thời gian trải nghiệm và mức chi tiêu của khách du lịch tại Nam Đông vẫn còn thấp. Thực trạng cơ sở hạ tầng giao thông chưa phát triển cũng là yếu tố khiến cho địa phương chưa đủ sức hấp dẫn du khách và các công ty lữ hành. Khách du lịch trong và ngoài nước chưa có nhiều thông tin về huyện Nam Đông trong quá trình lựa chọn điểm đến.

Từ thời điểm năm 2010, DLNN đã bắt đầu xuất hiện tại Nam Đông, và được xem là một hình thức du lịch mới phục vụ du khách chiêm ngưỡng vẻ đẹp và trải nghiệm cuộc sống nông thôn với những hoạt động sản xuất nông nghiệp cùng người dân địa phương (Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông, 2021a). Dù vậy, trong

thời gian này, DLNN chưa nhận được sự quan tâm như các loại hình du lịch khác là DLST và DLCĐ. Trong kế hoạch phát triển du lịch huyện Nam Đông giai đoạn 2017 đến 2020, chỉ có hai đại diện là hoạt động DLST Thác Mơ (xã Hương Phú) và DLCĐ thôn Dổi (xã Thượng Lộ) được chú trọng đầu tư tổ chức. Tuy nhiên, từ đề án phát triển văn hóa - du lịch giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Nam Đông, DLNN được xem là thành phần quan trọng trong quá trình phát triển du lịch nông thôn bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có sức hút du khách, trở thành điểm đến hấp dẫn trên địa bàn tỉnh. Trên địa bàn huyện Nam Đông, diện tích trồng cam và cây có múi lên đến 250 ha, bên cạnh việc khai thác sản phẩm nông nghiệp, đây cũng là những địa điểm DLNN tiềm năng trong tương lai (UBND huyện Nam Đông, 2022). Những dấu hiệu trên cho thấy cơ hội phát triển rõ ràng cho DLNN tại Nam Đông trong thời gian sắp tới.

3.2. Thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp tại điểm nghiên cứu

3.2.1. Quá trình du lịch nông nghiệp được giới thiệu và nhân rộng

Trong quá trình sản xuất, các hộ nông dân ở Nam Đông thường xuyên gặp các vấn đề như giá cả nông sản không ổn định, diễn biến thời tiết bất thường như mưa bão, khô hạn, đe dọa đến sản lượng vườn cây và thu

nhập, sinh kế của gia đình họ. Kết quả phỏng vấn người am hiểu và phỏng vấn hộ cho thấy, DLNN như là một giải pháp đa dạng hóa nguồn thu nhập đã được thí điểm từ đầu những năm 2010 bởi các hộ gia đình tiên phong ở xã Thượng Lộ và xã Hương Phú, ngay cạnh khu DLCĐ thôn Dồi và khu DLST Thác Mơ. Tận dụng nguồn khách du lịch đi theo đoàn từ hai khu du lịch trên, các hộ dân sống gần đó đã mạnh dạn thử nghiệm các hoạt động mời chào, quảng cáo thu hút du khách đến với khu vườn của mình. Nhờ vậy, các bên cùng có lợi, du khách có thêm dịch vụ, được trải nghiệm nếp sống nơi thôn dã cũng như các hoạt động sản xuất nông nghiệp, ngành du lịch địa phương và người nông dân có thêm thu nhập từ hoạt động bán nông sản địa phương. Nhận thấy lợi ích mà DLNN mang lại cho vườn cây ăn trái, các hộ khác cũng đã mạnh dạn nghiên cứu và áp dụng DLNN cho vườn cây ăn trái của mình. Ban đầu chỉ có 02 hộ tiên phong thử nghiệm DLNN ở xã Thượng Lộ và Hương Phú. Sau sáu năm, đến cuối năm 2016 con số này đã tăng lên 14 hộ, trong đó hai xã Hương Xuân và Hương Lộc có thêm 10 hộ mới. Mặc dù số lượng hộ tham gia DLNN đã tăng lên đáng kể, quy mô và hiệu quả kinh tế vẫn còn hạn chế. Điều này có thể được lý giải bởi một số yếu tố cần thiết cho phát triển còn thiếu hụt ở địa phương. Đối với sự thành công của hoạt động DLNN, việc các hộ dân sở hữu một trang trại lớn là chưa đủ, các yếu tố thu hút khách du lịch như cơ sở hạ tầng, đường giao thông, các hoạt động, dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng, phong phú, thái độ

phục vụ khách hàng của cơ sở du lịch cũng rất cần thiết (Lupi và cs., 2017).

Đặc điểm các hộ điều tra

Đối với các hộ tham gia phỏng vấn, độ tuổi trung bình của chủ hộ là 44 tuổi và khoảng 5,7 năm kinh nghiệm làm du lịch nông nghiệp (Bảng 3). Số nhân khẩu và lao động bình quân lần lượt hơn 4 và 2,9 người mỗi hộ. Căn cứ vào số năm kinh nghiệm và lý do áp dụng DLNN, các hộ khảo sát được chia làm 4 nhóm hộ: Tiên Phong (TP); Thích Nghi Nhanh (TNN); Áp Dụng Sớm (ADS); và Áp Dụng Muộn (ADM).

Trong đó, nhóm hộ TP là hai hộ đầu tiên thử nghiệm hoạt động DLNN ở Nam Đông với chín năm hoạt động, xuất phát từ nhu cầu trải nghiệm cuộc sống ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp của khách du lịch từ các địa điểm DLCĐ và DLST. Du khách sau khi tham quan thường mua một số nông sản để tiêu dùng, làm quà. Kế tiếp là các hộ TNN, học tập theo các hộ TP nhằm tăng thêm thu nhập cho gia đình, có tổng cộng 12 hộ với sáu đến tám năm kinh nghiệm. Nhóm hộ ADS cũng với 12 hộ dân từ những năm 2017 - 2018, hưởng ứng phong trào phát triển vườn cây ăn quả của chính quyền huyện Nam Đông, đã áp dụng DLNN với mục tiêu quảng bá cho sản phẩm của mình là chính, thời gian làm du lịch từ bốn đến năm năm. Cuối cùng là nhóm bốn hộ ADM, khi so sánh với các nhóm hộ khác, hộ ADM có các phương tiện sản xuất, diện tích canh tác và số năm kinh nghiệm cũng ít hơn (dưới ba năm).

Bảng 3. Thông tin khái quát về các hộ dân làm Du lịch nông nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hộ Tiên phong (n=2)	Hộ Thích nghi nhanh (n=12)	Hộ Áp dụng sớm (n=12)	Hộ Áp dụng muộn (n=4)	Bình quân
Tuổi chủ hộ	Tuổi	63,0	44,8	43,9	36,0	44,5
Nhân khẩu	Người	4,0	4,4	4,3	4,8	4,4
Số lao động	Người	3,5	2,8	2,9	3,3	2,9
Diện tích canh tác	Hecta	0,15	0,28	0,18	0,08	0,21
Tổng thu nhập/năm	Triệu đồng	98,2	151,3	158,0	104,0	144,0
Thu nhập từ DLNN	Triệu đồng	11,3	13,8	15,0	12,4	13,9

TP - Tiên Phong; TNN – Thích Nghi Nhanh; ADS - Áp Dụng Sớm; ADM - Áp Dụng Muộn

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2022)

Tại Bảng 3, đối với nhóm hộ TP và ADM, tổng thu nhập hàng năm xấp xỉ 100 triệu đồng, chỉ bằng 2/3 so với những hộ TNN hay ADS. Trong khi đó, nhóm hộ TNN và ADS có thu nhập, diện tích canh tác lớn hơn, giúp họ đảm bảo được khối lượng nông sản và thu nhập, vậy nên hoạt động DLNN ở những hộ này được xem như

phụ trợ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp chính. Bình quân tỷ trọng thu nhập DLNN trong tổng thu nhập là chiếm 9,4%, đây là con số không lớn nhưng cũng có tác động đáng kể giúp giảm bớt gánh nặng chi trả cho nhu yếu phẩm hằng ngày, cải thiện cuộc sống của người nông dân.

Bảng 4. Đặc điểm hoạt động Du lịch nông nghiệp của các nhóm hộ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hộ Tiên phong (n=2)	Hộ Thích nghi nhanh (n=12)	Hộ Áp dụng sớm (n=12)	Hộ Áp dụng muộn (n=4)	Bình quân
Số tháng hoạt động trong năm	Tháng	9,0	6,5	6,9	9,0	7,2
Lượt khách nội địa/năm	Lượt khách	162,5	159,3	176,2	129,2	165,2
Lượt khách nước ngoài/năm	Lượt khách	25,0	13,3	11,2	8,3	12,4
Chỉ tiêu BQ theo lượt khách	Nghìn VNĐ	60,0	80,0	80,0	90,0	80,0

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2022)

Bảng 4 cho thấy nhóm hộ TP và ADM có thời gian hoạt động lớn hơn khi so với các nhóm hộ còn lại, tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch về lượng khách tham quan cũng như kết quả kinh doanh. Về lượt khách cả trong và ngoài nước, ba nhóm hộ TP, TNN và ADS lớn hơn vượt trội so với nhóm hộ ADM. Lý do là quy mô diện tích canh tác phục vụ DLNN của 3 nhóm hộ đầu lớn hơn so với nhóm ADM (từ gần 1,8 đến 3,5 lần). Tâm lý du khách hầu hết muốn tham quan vườn cây có diện tích lớn hơn so với diện tích nhỏ. Tuy nhiên, mức chi tiêu bình quân theo lượt khách lại cho thấy hiệu quả

hoạt động của nhóm hộ ADM cao hơn (90 nghìn VNĐ). Các hộ ADM cho rằng do họ có cơ hội học tập các bài học thành công và tránh được những sai lầm phổ biến của các hộ tổ chức DLNN đi trước. Theo đó, các hộ ADM chỉ cần tập trung đầu tư những dịch vụ mà thị trường và khách hàng thực sự cần, từ đó gia tăng được khoản chi tiêu của du khách. Riêng lượt khách nước ngoài của nhóm hộ TP vượt trội so với ba nhóm còn lại là vì khách nước ngoài thường mong muốn tìm hiểu những hộ mạnh dạn đi đầu trong DLNN, mặt khác cũng thường được cán bộ quản lý địa phương giới thiệu đến

tham quan như những điển hình của tinh thần đổi mới trong sản xuất nông nghiệp.

Các hoạt động, dịch vụ Du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp thường bao gồm các trải nghiệm dựa trên thực phẩm và nông nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ du lịch nông nghiệp hiện có ở Nam Đông được chia thành các nhóm chính như: Bán hàng trực tiếp, giải trí trang trại, du lịch giáo dục, nghỉ

dưỡng ngoài trời và lưu trú (Sznajder và cs., 2009). Tùy thuộc vào quy mô và tính chất canh tác của các loại giống cây trồng trong trang trại, các hoạt động du lịch nông nghiệp có thể rất khác nhau. Dựa trên quan sát thực tế trong quá trình phỏng vấn, có thể chia hoạt động của các hộ thực hiện DLNN thành hai phần. Các hoạt động chú trọng mảng nông nghiệp và các dịch vụ chú trọng mảng du lịch (Bảng 5).

Bảng 5. Số hộ cung cấp các hoạt động, dịch vụ DLNN tiêu biểu

Hoạt động, dịch vụ	Hộ Tiên phong (n=2)	Hộ Thích nghi nhanh (n=12)	Hộ Áp dụng sớm (n=12)	Hộ Áp dụng muộn (n=4)	Toàn mẫu	
					Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bán lẻ nông sản	2	12	12	4	30	100,0
Thực phẩm chế biến tại trang trại	2	12	11	3	28	93,3
Tự hái trái cây	2	11	10	3	26	86,7
Trồng, chăm sóc cây non	1	7	10	3	21	70,0
Các chuyến dã ngoại, trao đổi kiến thức	2	5	8	2	17	56,7
Các hoạt động vui chơi ngoài trời	2	5	3	1	11	36,7
Dịch vụ lưu trú	0	2	1	0	3	10,0

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2022)

Phần tập trung vào nông nghiệp của DLNN ở Nam Đông bao gồm bán lẻ nông sản, cung cấp thực phẩm chế biến tại trang trại và trải nghiệm trang trại, tự chọn trái cây. Các hoạt động này đều chung một mục tiêu cụ thể là kết nối nhu cầu trải nghiệm dân dã của du khách với nông dân, thúc đẩy tiêu thụ nông sản (chủ yếu là cam và ổi Nam Đông nổi tiếng), tạo thêm thu nhập cho các hộ nông dân, nâng cao nhận thức và kiến thức về thực hành nông nghiệp và cuộc sống hàng ngày ở nông thôn. Các hoạt động, dịch vụ tập trung vào du lịch bao gồm hai phần: các hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời và các dịch vụ lưu trú trong khu vực. So với các hoạt động tập trung vào nông nghiệp, các phần tập trung vào du lịch có quy mô tương đối nhỏ và các liên kết với nông nghiệp vẫn còn thiếu chặt chẽ. Các hoạt động như bơi thác, dạo ngắm cảnh... chưa được thiết kế nhằm mục đích thư giãn, giải trí mà chủ yếu là dịch vụ phụ phát sinh từ mong muốn của du khách. Tầm quan trọng của dịch vụ lưu trú, nhà nghỉ vẫn chưa được nhận thức và chú trọng nên chưa mang lại

hiệu lợi nhuận cho các nhà cung cấp dịch vụ.

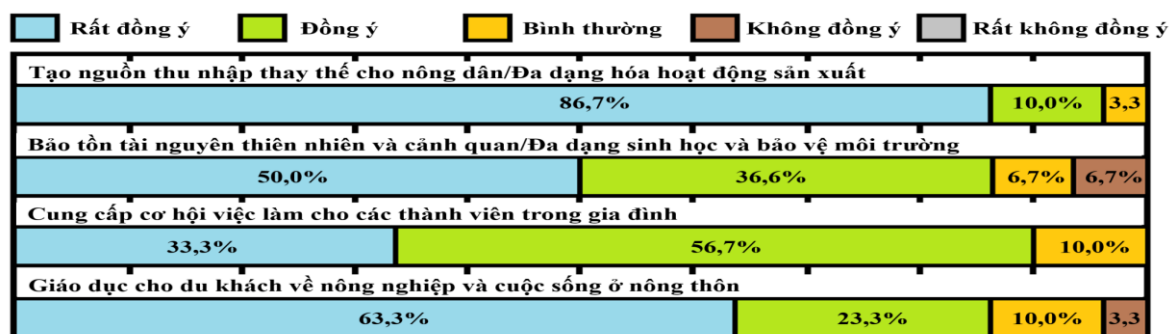
Hiệu quả hoạt động Du lịch nông nghiệp

Từ 10 nhóm yếu tố đánh giá hiệu quả hoạt động DLNN theo nghiên cứu của Ammirato và cs. (2020) (xem Bảng 1), sau quá trình phỏng vấn người am hiểu, nghiên cứu đã tách lọc ra các yếu tố đánh giá phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các yếu tố này bao gồm: (i) Tạo nguồn thu nhập thay thế cho nông dân/Đa dạng hóa hoạt động sản xuất; (ii) Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan/Đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; (iii) - Cung cấp cơ hội việc làm cho các thành viên trong gia đình; và (iv) - Giáo dục cho du khách về nông nghiệp và cuộc sống ở nông thôn. Sau đó, các yếu tố này được các đối tượng tham gia phỏng vấn đánh giá mức độ tác động thông qua thang đo Likert 5 cấp độ. Kết quả đánh giá của các hộ dân về hiệu quả hoạt

động DLNN tại Nam Đông được trình bày trong Hình 2.

Ở Hình 2, hiệu quả của DLNN cho thấy rõ nhất đối với yếu tố “Tạo nguồn thu nhập thay thế cho nông dân/đa dạng hóa hoạt động sản xuất” với 26 hộ (tương ứng 86,7%) đánh giá rất đồng ý và 3 hộ (10,0%) đánh giá đồng ý. Đối với yếu tố “Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan/Đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường”, 86,6% số hộ đánh giá tích cực về vấn đề này. Tuy nhiên, vẫn còn có 6,7% ý kiến không đồng ý với lý do hoạt động du lịch tạo ra các tác động tiêu cực đến môi trường, ví dụ như du khách đến tham quan xả rác bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan môi trường tại địa phương. Yếu tố “Cung cấp cơ hội việc làm cho các thành viên trong gia đình” cũng được đánh giá tốt với 33,3% hộ dân rất

đồng ý và 56,7% hộ dân đồng ý. Kết quả phỏng vấn hộ cho thấy, ngoại trừ một số ít hộ kinh doanh có thuê thêm người lao động địa phương, hầu hết các hộ DLNN ở Nam Đông phân công việc đón tiếp du khách cho các thành viên trong gia đình mình đảm nhiệm. Du khách tham quan DLNN cũng đánh giá cao các hoạt động của DLNN đối với “Giáo dục cho du khách về nông nghiệp và cuộc sống ở nông thôn”. Có 26 hộ (tương ứng với 86,6%) cho biết các thông tin phản hồi của du khách đều thừa nhận họ học được những điều mới mẻ về hoạt động sản xuất nông nghiệp và cuộc sống sinh hoạt ở nông thôn sau khi trải nghiệm DLNN. Các phản hồi này chủ yếu của những người đến từ thành phố và nhóm du khách gia đình có trẻ nhỏ, đây là những khách du lịch ít có cơ hội được tiếp cận trực tiếp cuộc sống và sinh hoạt ở nông thôn.



Hình 2. Đánh giá của hộ dân về hiệu quả hoạt động DLNN tại huyện Nam Đông

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2022)

Từ kết quả đánh giá cho thấy, DLNN ở Nam Đông trong thời điểm hiện tại chỉ đem lại hiệu quả cho các bên liên quan trực tiếp. Tác động tích cực chủ yếu biểu hiện ở việc bảo đảm nguồn thu nhập cũng như cung cấp việc làm cho các hộ gia đình tham gia. Ngoài ra, DLNN cũng đem đến lợi ích cho du khách bằng việc cung cấp trải nghiệm và kiến thức về các nội dung liên quan đến hoạt động nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, hiệu quả của DLNN đến những yếu tố khác như môi trường tại điểm

tham quan hay vấn đề kinh tế - xã hội địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, cần được quan tâm cải thiện trong tương lai.

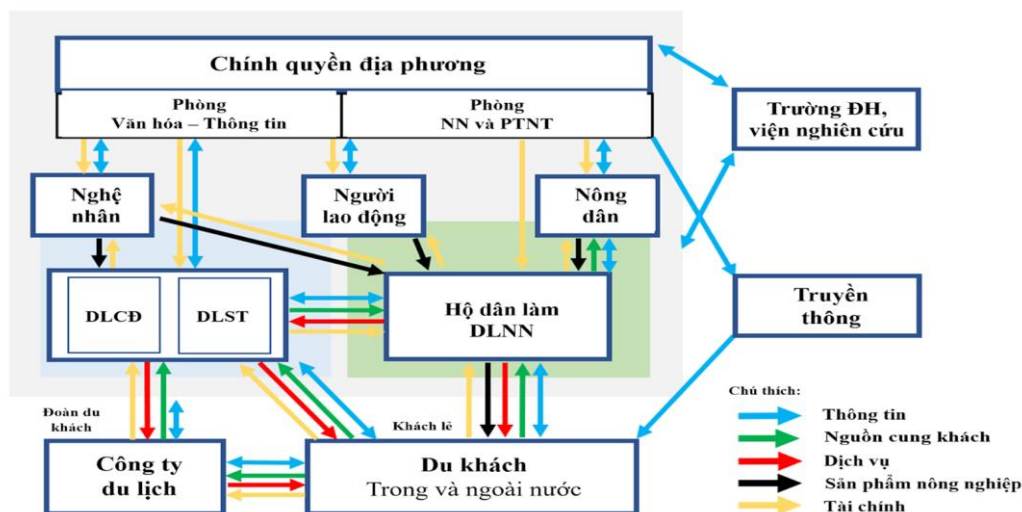
3.2.2. Vai trò của các bên liên quan trong việc phát triển Du lịch nông nghiệp

Dựa trên định nghĩa của Freeman (1984), các bên liên quan trong quá trình phát triển DLNN ở Nam Đông được xác định bao gồm: chủ hộ DLNN; khách du lịch; các công ty du lịch và lữ hành; các nhóm hỗ trợ địa phương phát triển (chính quyền địa phương, trung tâm nghiên cứu,

báo đài truyền thông) và cộng đồng địa phương (các hộ dân khác, người lao động, nghệ nhân).

Các bên liên quan tương tác với nhau thông qua các yếu tố như: Thông tin; Nguồn

cung khách; Dịch vụ; Sản phẩm nông nghiệp; và Tài chính. Kết quả khảo sát và phỏng vấn hộ cho thấy có sự khác biệt giữa mức độ tham gia vào DLNN của các bên liên quan (Hình 3).



Hình 3. Mối quan hệ giữa các bên liên quan trong DLNN

(Nguồn: Tổng hợp từ Phỏng vấn hộ và Phỏng vấn người am hiểu, 2022)

Trên thực tế, các hộ dân làm DLNN với mục tiêu cải thiện thu nhập bằng cách cung cấp nông sản, các dịch vụ nông nghiệp cũng như những thông tin liên quan khác cho du khách tới vườn của họ. Hoạt động này ban đầu mang tính tự phát, sau đó có sự liên kết và hỗ trợ giữa các bên liên quan khác trong cộng đồng. Khách du lịch đến từ hai nguồn cung chủ yếu. Nguồn thứ nhất đến từ các nhóm khách nhỏ lẻ, các gia đình trong tỉnh, họ chủ động đến với các hộ làm DLNN để tham quan, trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp của địa phương. Nguồn thứ hai là các nhóm du khách tại các điểm DLCĐ, DLST phát sinh nhu cầu tham quan trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp, nông thôn. Sau khi tham quan, trải nghiệm, một bộ phận du khách có thông tin phản hồi, điều này góp phần giúp hoạt động DLNN trở nên đa dạng, thu hút và hiệu quả hơn. Với các bên liên quan còn lại như chính

quyền địa phương, công ty du lịch, truyền thông hay các viện nghiên cứu, những tác động đem đến cho hộ DLNN mang tính gián tiếp. Đối với lĩnh vực du lịch, các bên liên quan này vẫn chưa có những chính sách cụ thể hỗ trợ cho DLNN phát triển, mà chỉ đang tập trung quảng bá cho DLCĐ và DLST. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, các bên liên quan như chính quyền, viện nghiên cứu giới thiệu các giống cây chất lượng cao, hỗ trợ vốn và kỹ thuật cho người nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất. Cho đến nay, vẫn chưa có một cơ chế quản lý và vận hành chung rõ ràng giữa các bên liên quan trong DLNN tại điểm nghiên cứu. Các mối liên hệ, hợp tác cũng như sự tham gia của các hộ làm DLNN với mạng lưới các bên liên quan trong hoạt động DLNN ở huyện Nam Đông chưa thật sự chặt chẽ, được thể hiện ở trong Bảng 6.

Bảng 6. Số hộ làm Du lịch nông nghiệp có mối liên hệ với các bên liên quan chính trong mạng lưới

Các bên liên quan	Hộ Tiên phong (n=2)	Hộ Thích nghi nhanh (n=12)	Hộ Áp dụng sớm (n=12)	Hộ Áp dụng muộn (n=4)	Toàn mẫu	
					Số lượng	Tỷ lệ (%)
Các hộ làm DLNN khác	2	10	11	2	25	83,3
Chính quyền địa phương	1	10	7	2	20	66,7
Công ty du lịch, lữ hành	1	2	1	1	5	16,7
Cơ sở giáo dục, truyền thông	1	1	1	0	3	10,0

Nguồn: Phỏng vấn hộ (2022)

Kết quả của Bảng 6 cho thấy, mối liên kết giữa các hộ làm DLNN đóng vai trò quan trọng và phổ biến nhất trong hoạt động và phát triển du lịch. Có đến 83,4% số hộ cho rằng họ có thể chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, giới thiệu và chia sẻ lượng khách ghé thăm tại trang trại với nhau. Đứng thứ hai là chính quyền xã, huyện với 66,7% với các chính sách hỗ trợ gián tiếp cho nông nghiệp, các buổi tập huấn kỹ thuật sản xuất, các hội nghị đầu bờ, hay việc nhận vốn đầu tư trồng mới vườn cây. Các công ty du lịch, lữ hành hay cơ sở giáo dục và truyền thông không đóng vai trò quan trọng, hoặc có ít ảnh hưởng đến các hoạt động DLNN, lần lượt là 16,7% và 10,0%. Lý giải cho điều này, các hộ và cán bộ quản lý tại địa phương cho rằng, do các điểm DLNN hiện chưa đáp ứng được các điều kiện về chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp đón được số lượng lớn du khách du lịch để được đưa vào tour du lịch, tham quan. Vai trò của các cơ sở giáo dục, các đơn vị truyền thông trong việc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất và kinh doanh là rất quan trọng. Tuy nhiên, đây cũng là các mắt xích còn yếu trong mạng lưới, góp phần dẫn đến hoạt động DLNN hiệu quả không cao, chưa thể phát huy hết các thế mạnh của địa phương.

3.2.3. Những thách thức và giải pháp phát triển Du lịch nông nghiệp tại Nam Đông

Dù đã cho thấy một số tác động tích cực đến sinh kế của người dân địa phương, hiệu quả của DLNN tại Nam Đông vẫn còn hạn chế. Từ các nghiên cứu trước đây, nguyên nhân chính của sự hạn chế này là việc thiếu hụt các chính sách hỗ trợ phát triển DLNN từ phía chính quyền (Prasansha Kumari, 2016; Dung và cs., 2017). Trong quá trình phỏng vấn các hộ dân làm DLNN ở huyện Nam Đông, nhóm tác giả cũng ghi nhận phản ánh về việc bị chính quyền địa phương thiếu quan tâm tạo điều kiện khi so sánh với các hoạt động DLST hay DLCĐ trên cùng địa bàn. Các chính sách của địa phương chỉ tập trung vào hoạt động du lịch, nông nghiệp truyền thống và bảo tồn không gian sinh thái tự nhiên, mà ít khuyến khích những đóng góp mà DLNN đã đem lại cho môi trường và sinh kế của người dân. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết trong việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, nhằm nâng cao nhận thức của các nhà lập chính sách và chính quyền địa phương. Vì chỉ khi các bên liên quan, đặc biệt là cấp quản lý nhận thức được vai trò của DLNN thì họ mới có thể tạo ra những cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo ra môi trường phát triển phù hợp cho du lịch nói chung và DLNN nói riêng (Waligo và cs., 2013).

Một tồn tại khác, được thấy rõ từ số liệu khảo sát các hộ làm DLNN, là hoạt động DLNN hiện nay mới tập trung vào bán nông sản, thực phẩm chế biến ở nông sản, hay các trải nghiệm làm nông, thu hoạch trái cây cho du khách, mà thiếu đi các dịch vụ nghỉ ngơi, giải trí, lưu trú. Kết quả này cũng tương đồng với những đánh giá trước đây về du lịch miền núi Thừa Thiên Huế của nhóm nghiên cứu Dung và cs. (2017). Phần lớn người nông dân Nam Đông chỉ quen làm nông nghiệp truyền thống, chưa được đào tạo về kỹ năng để phục vụ khách hàng một cách chuyên nghiệp. Với những tồn tại này, những gì chủ nhà có thể làm là tăng cường tương tác và cố gắng mang đến cho du khách những trải nghiệm chân thực nhất có thể (Shah và cs., 2020). Những cơ hội kết nối như vậy giúp cả hai bên học được điều gì đó và cảm thấy thỏa mãn nhờ trải nghiệm (Prayag và cs., 2013). Đây cũng là cơ hội để các hộ dân quảng bá nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú của địa phương như mật ong rừng, các cây thuốc dân gian,... để làm phong phú thêm trải nghiệm của du khách khi đến thăm Nam Đông.

Cuối cùng, là về các hạn chế trong tiếp thị, quảng bá hình ảnh DLNN. Theo báo cáo công tác phát triển du lịch giai đoạn 2017 - 2020 của Phòng Văn hóa thông tin huyện Nam Đông, các nhà điều hành tour, các công ty du lịch đã từng khảo sát các nhà vườn tiềm năng để đưa vào chương trình khai thác du lịch tuy nhiên vì quy mô còn quá nhỏ cho nên các hộ DLNN chưa thể liên kết hợp tác một cách chuyên nghiệp được. Do đó, lý tưởng nhất phải kể đến sự liên kết hợp tác, lồng ghép vào chương trình của các đoàn du khách DLCĐ, DLST đến Nam Đông. Các trải nghiệm của khách du lịch sẽ trở nên trọn vẹn hơn, và người nông dân cũng có thêm thu nhập. Nhằm thực hành và

phát triển DLNN theo hướng cải thiện sinh kế cộng đồng, những kiến thức và kỹ năng tiếp thị là hết sức cần thiết (Prasetyo và cs., 2020). Do vậy, để DLNN Nam Đông phát triển mạnh, các hộ dân cần thêm sự giúp đỡ, đào tạo từ các bên liên quan, đặc biệt là từ các cơ quan nghiên cứu, truyền thông, các công ty du lịch lữ hành cũng như chính quyền địa phương trong công tác tiếp thị, quảng bá hình ảnh DLNN địa phương.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Huyện Nam Đông sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa - xã hội đa dạng và phong phú, rất thích hợp để phát triển các hình thức du lịch trải nghiệm một cách bền vững. Thông qua nghiên cứu các nhóm hộ tại bốn xã Hương Phú, Hương Lộc, Thượng Lộ và Hương Xuân đã cho thấy tiềm năng của hình thức DLNN với các đóng góp về kinh tế (9,4% tổng thu nhập của hộ dân), tăng cơ hội việc làm. Cảnh quan, môi trường tự nhiên của địa phương cũng được hưởng lợi từ sự phát triển của DLNN. Tuy nhiên, các hoạt động DLNN của người dân vẫn đang tập trung về mặt sản xuất nông nghiệp, về các trải nghiệm du lịch, các cơ sở lưu trú, vẫn còn có một rào cản kinh tế ngăn cản các hộ dân phát triển (chỉ 10% số hộ có cơ sở lưu trú, thuộc nhóm hộ TNN và ADS). Điều này giới hạn thời gian dừng chân và giảm mức chi tiêu của du khách tại địa phương, ảnh hưởng đến nguồn thu từ du lịch của các hộ dân. Nguyên nhân đến từ tính chất giản đơn của các hoạt động và dịch vụ DLNN, sự thiếu hụt chính sách hỗ trợ từ phía chính quyền, cũng như sự phối hợp của các bên liên quan.

Để khắc phục tình trạng này, vai trò của DLNN cần được nhìn nhận khách quan từ phía chính quyền địa phương và các bên liên quan. Chính quyền địa phương cần cung cấp một môi trường khuyến khích đầu

tư phát triển với những chính sách hỗ trợ DLNN. Các công ty du lịch có thể phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng và phong phú hơn bằng cách kết hợp các chương trình tham quan với các sản phẩm, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Các nghiên cứu tiếp theo ở Nam Đông cần tập trung phân tích và đưa ra các khuyến nghị để tăng cường sự hợp tác giữa các bên liên quan, kết nối hoạt động DLNN với các loại hình DLCĐ, DLST, phát huy được những tiềm năng của địa phương và cải thiện sinh kế của người dân.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi các khoản tài trợ (#169430, #194004) từ Chương trình Nghiên cứu của Thụy Sĩ về các vấn đề toàn cầu cho phát triển (Chương trình R4D), đồng tài trợ bởi Quỹ Khoa học Quốc gia Thụy Sĩ (SNF) và Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy sĩ (SDC).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Ngô Thị Phương Lan và Nguyễn Thị Vân Hạnh. (2020). Thực trạng liên kết vùng trong phát triển du lịch nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long. *Hội thảo khoa học - Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ liên kết vùng theo định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2030*.
- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. (2021a). Báo cáo Công tác phát triển du lịch giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng, giải pháp phát triển văn hóa – du lịch trong thời gian tới.
- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. (2021b). Báo cáo Tình hình thực hiện Chương trình phát triển Văn hóa - Du lịch 6 tháng đầu năm 2021.
- Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế. (2019). Báo cáo liên kết phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị, Quảng Nam.
- Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. (2020). Đề án phát triển văn hóa - du lịch giai đoạn 2021 -2025.

Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. (2021). Báo cáo thực trạng các điểm du lịch và định hướng phát triển du lịch của địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trang thông tin điện tử huyện Nam Đông. (18/09/2022). *Trao giấy chứng nhận Cam Nam Đông đạt tiêu chuẩn VietGAP*. Khai thác từ: <https://namdong.thuathienhue.gov.vn/?gd=14&cn=28&tc=31215>

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

- Ammirato, S., Felicetti, A. M., Raso, C., Pansera, B. A., & Violi, A. (2020). Agritourism and sustainability: What we can learn from a systematic literature review. *Sustainability*, 12(22), 9575.
- Arroyo, C. G., Barbieri, C., & Rich, S. R., (2013). Defining agritourism: A comparative study of stakeholders' perceptions in Missouri and North Carolina. *Tourism Management*, 37, 39-47.
- Asante, B. O., Villano, R. A., Patrick, I. W., & Battese, G. E. (2018). Determinants of farm diversification in integrated crop-livestock farming systems in Ghana. *Renewable Agriculture and Food Systems*, 33(2), 131-149.
- Freeman, R. E. (1984). Strategic management: a stakeholder approach. *Boston: Pitman Publishing*.
- Irshad, H. (2010). Rural Tourism-An Overview. Government of Alberta. *Agriculture and rural development*.
- Lupi, C., Giaccio, V., Mastronardi, L., Giannelli, A., & Scardera, A. (2017). Exploring the features of agritourism and its contribution to rural development in Italy. *Land use policy*, 64, 383-390.
- Nguyen, N. T. H., Suwanno, S., Thongma, W., & Visuthismajarn, P. (2018). The attitudes of residents towards agro-tourism impacts and its effects on participation in agro-tourism development: the case study of Vietnam. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, 7(4), 1-18.
- Prasansha Kumari, J. A. (2016). Possibility of Agritourism development for sustainable rural development in Sri Lanka. *Journal of Humanities and Social Science*, 21(8), 12-16.

- Prasetyo, B. D., Kurniadi, R., & Setyowati, R. (2020, August). Industry 4.0 and the future challenges for the local community to manage eco-tourism (a case study of the participatory eco-tourism management in Menipo Island, West Timor, Indonesia). In *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science*, 533(1). IOP Publishing.
- Prayag, G., Hosany, S., & Odeh, K. (2013). The role of tourists' emotional experiences and satisfaction in understanding behavioral intentions. *Journal of Destination Marketing & Management*, 2(2), 118-127.
- Rogers, E. M. (1962). *Diffusion of innovations* (1st ed.). New York: Free Press.
- Schilling, B. J., Sullivan, K. P., & Komar, S. J. (2012). Examining the economic benefits of agritourism: The case of New Jersey. *Journal of Agriculture, Food Systems, and Community Development*, 3(1), 199-214.
- Seaman, J. A., Sawdon, G. E., Acidri, J., & Petty, C. (2014). The Household Economy Approach. Managing the impact of climate change on poverty and food security in developing countries. *Climate risk management*, 4, 59-68.
- Shah, C., Gibson, D., Shah, S., & Pratt, S. (2020). Exploring a market for agritourism in Fiji: Tourists' perspective. *Tourism Recreation Research*, 45(2), 204-217.
- Waligo, V. M., Clarke, J., & Hawkins, R. (2013). Implementing sustainable tourism: A multi-stakeholder involvement management framework. *Tourism management*, 36, 342-353.